Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 20.04.2015 16:29:45 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 976 /BKHĐT-TH V/v Giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII	*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: C NGÀY 26/02
V.III

Kính gửi:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội,
- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội TP Cần Thơ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được công văn số 732/BDN ngày 16/12/2013 của Ban Dân nguyện đề nghị trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi tới kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII, thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, trong đó cử tri TP Cần Thơ có 5 kiến nghị. Sau khi nghiên cứu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời các kiến nghị của cử tri như sau:

Kiến nghị 1:

Thành phố Cần Thơ thuộc nhóm các tỉnh, thành có tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương, nên không được Trung ương hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA do địa phương quản lý, trong khi các nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm khá hạn hẹp (khoảng 1.960-2.000 tỷ đồng); đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, hỗ trợ một phần vốn đối ứng cho các dự án ODA đang và sẽ triển khai năm 2014 như: Vườn ươm công nghệ công nghiệp Hàn Quốc - Việt Nam tại thành phố Cần Thơ; dự án trang thiết bị Bệnh viện đa khoa thành phố Cần Thơ; dự án nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu Dự án thành phố Cần Thơ giai đoạn 2,...

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015, trong đó quy định không hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án ODA của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có điều tiết về ngân sách trung ương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận đề nghị của Thành phố, sẽ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp sửa đổi Quyết định 60/2010/QĐ-TTg nêu trên.

Kiến nghị 2:

Cần Thơ là thành phố mới được công nhận đô thị loại I vào năm 2009 và là 1 trong 5 đô thị loại I trực thuộc Trung ương với cơ sở hạ tầng đô thị thấp kém, không đồng bộ, thiếu kết nối..., nhưng thành phố Cần Thơ chưa nhận được

nguồn vốn lớn và dành riêng cho thành phố từ nguồn tài trợ của WB để đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị ưu tiên. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chấp thuận cho thành phố Cần Thơ tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ ODA thuộc Chương trình phát triển đô thị của WB tại Việt Nam ưu tiên cho thành phố Cần Thơ vào các lĩnh vực như sau:

** Phát triển hạ tầng giao thông đô thị (xây dựng, kết nối cầu, đường đô thị).*

** Cải tạo cơ sở hạ tầng môi trường (vệ sinh môi trường, cấp - thoát nước, xử lý rác thải, nước thải và chất thải rắn).*

** Nâng cấp và chỉnh trang các khu vực đô thị.*

** Tăng cường năng lực và hỗ trợ thực thi dự án.*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được một số đề xuất của thành phố Cần Thơ theo như kiến nghị của tỉnh và đang trong quá trình trao đổi với phía Ngân hàng Thế giới (WB). Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ thông báo cho thành phố Cần Thơ khi có ý kiến phản hồi về khả năng tài trợ từ phía WB.

Kiến nghị 3:

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chấp thuận ghi tiếp danh mục đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ cho tổng số 20 công trình với nhu cầu vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện dự án là 7.573 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2014-2015 là 4.832 tỷ đồng.

** Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét ghi danh mục đầu tư năm 2014 cho 03 dự án với tổng mức đầu tư là 1.454 tỷ đồng, bao gồm:*

** Dự án xây dựng đơn nguyên 2 cầu Quang Trung: 300 tỷ đồng*

** Hai đường ô tô về trung tâm xã, huyện Thới Lai: 346 tỷ đồng*

** Dự án kè sông Cần Thơ - ứng phó biến đổi khí hậu: 808 tỷ đồng*

Tổng mức đầu tư 808 tỷ đồng, trong đó vốn ODA 585 tỷ đồng, vốn đối ứng 223 tỷ đồng, đề nghị ghi vốn thực hiện năm 2014 sau khi hoàn thành các thủ tục đầu tư theo qui định.

Trả lời:

Theo Nghị quyết Quốc hội, vốn trái phiếu 2014-2016 chỉ bố trí đối với các công trình chuyển tiếp, có danh mục trong giai đoạn 2012-2015 vì vậy các công trình thành phố đề nghị là công trình khởi công mới nên không nằm trong đối tượng được bố trí vốn trái phiếu chính phủ năm 2014-2016. Đối với nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, hiện tại Thành phố đang thực hiện 11 dự án với tổng mức đầu tư 3.000.053 triệu đồng, trong đó ngân sách trung

ương hỗ trợ 1.695.260 triệu đồng, số vốn ngân sách trung ương đã bố trí đến 2014 là 645.047 triệu đồng, số vốn còn thiếu cần phải bố trí là 1.050.213 triệu đồng.

Như vậy, số vốn còn thiếu để bố trí hoàn thành các dự án là khá lớn, vì vậy, đề nghị Thành phố Cần Thơ lựa chọn dự án cấp bách, ưu tiên đầu tư, trước mắt sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tiếp tục hỗ trợ thành phố căn cứ vào khả năng cân đối vốn từ ngân sách trung ương.

Kiến nghị 4:

Cử tri cho rằng xây dựng sân gôn là tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Tuy nhiên, tình trạng quy hoạch và xây dựng sân gôn ở nhiều địa phương trên cả nước trong thời gian qua là không phù hợp, vì đa số chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương nói chung và của đất nước nói riêng. Đề nghị Chính phủ siết chặt quản lý để chấn chỉnh tình trạng này, nhằm tránh lãng phí tài nguyên của đất nước.

Trả lời:

1. Về tình hình thực hiện quy hoạch và xây dựng sân golf cả nước

- Theo quy hoạch sân golf cả nước đến 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26/11/2009 cả nước có 90 sân golf nằm trên địa bàn 34/63 tỉnh, thành phố; Trước khi có quy hoạch sân golf cả nước (2009), đã loại ra 76 sân golf, thu hồi lại trên 15.600 ha đất các loại ở các địa phương vì không đáp ứng được các tiêu chí và điều kiện hình thành sân golf để đưa vào quy hoạch.

- Về phân bố sân golf có trong quy hoạch: Các sân golf được quy hoạch đều gắn với các vùng, địa phương có tiềm năng phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ. Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung có 29 dự án sân golf; Vùng Đông Nam bộ có 21 dự án; vùng đồng bằng sông Hồng có 17 dự án; vùng trung du miền núi phía Bắc có 11 dự án; vùng Tây Nguyên có 8 dự án; vùng đồng bằng sông Cửu Long có 4 dự án;

Tính đến năm 2013, cả nước có 32 sân golf đã đi vào hoạt động, 2 sân thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc; 12 sân thuộc vùng đồng bằng sông Hồng; 8 sân thuộc vùng Bắc trung bộ và Duyên Hải miền trung; 2 sân thuộc vùng Tây Nguyên; 8 sân thuộc vùng Đông Nam Bộ; Vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa có sân nào hoạt động. Về cơ bản, qua kiểm tra và báo cáo của các địa phương về 32 dự án sân golf đã đi vào hoạt động cho thấy, phần lớn các sân golf đều mang lại hiệu quả khá tốt như: tạo điều kiện góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương theo hướng tăng dịch vụ, thu hút khách du lịch; tạo việc làm cho người lao động tại chỗ và tăng thu ngân sách nhà nước, đảm bảo phát triển hiệu quả và bền vững. Nhiều sân golf còn là những điểm nhấn quan trọng cho phát triển du lịch, quảng bá, dịch vụ và hình thành các điểm đô thị thị

trấn và thị tứ... Các sân golf này nộp ngân sách hàng năm nhiều chục tỷ đồng; giải quyết việc làm từ 150-500 lao động, với thu nhập bình quân từ 2,5-3 triệu đồng/tháng. Một số sân golf đạt kết quả kinh doanh khá tốt như sân Lương Sơn (Hòa Bình); Chí Linh (Hải Dương), Đồng Mô, Vân Trì (Hà Nội), Yên Thắng (Ninh Bình), sân Song Mây (Đồng Nai)...

Đến năm 2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị đưa ra khỏi quy hoạch 11 dự án sân golf vi phạm các tiêu chí và điều kiện hoặc do các nhà đầu tư không đủ năng lực để thực hiện..

- Về môi trường: Có 64/90 dự án đã lập báo cáo đánh giá môi trường, trong đó có 55 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, còn 9 dự án đang thực hiện. Về kết quả phân tích chất lượng nước và đất tại khu vực có các dự án sân golf, kết quả thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy các thông số được kiểm tra đều phù hợp với tiêu chuẩn môi trường cho phép.

- Về vốn đầu tư các dự án sân golf đều do nhà đầu tư tự bỏ vốn để xây dựng, hoàn toàn không được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài các khu chức năng của các dự án sân golf.

Các dự án sân golf được quy hoạch chủ yếu ở khu vực tiềm năng phát triển du lịch cao, là các vùng đất cát, đất đồi núi trọc, không có khả năng sản xuất nông nghiệp, không sử dụng đất lúa, đất màu, đất lâm nghiệp có rừng. Với kết quả đạt được của các dự án sân golf đã hoạt động, về cơ bản là đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương nói chung và của đất nước nói riêng. Các dự án sân golf đã tạo điều kiện góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương theo hướng tăng dịch vụ, thu hút khách du lịch; tạo điểm nhấn cho phát triển du lịch cao cấp và kêu gọi và thu hút đầu tư; tạo việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước, bảo đảm phát triển hiệu quả và bền vững.

2. Về quản lý quy hoạch các sân golf đến năm 2020

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 18/4/2012 về tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sân golf theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg với các điểm nổi bật là:

(1) Xây dựng các sân golf phải tuân thủ đúng quy hoạch tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc đầu tư xây dựng sân golf trên địa bàn theo đúng quy hoạch;

(2) Giao nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương, các Bộ ngành liên quan tiến hành việc rà soát, kiểm tra để bảo đảm chắc chắn các dự án sân golf **chỉ được cấp phép khi không có diện tích đất lúa** (*kể cả đất lúa một vụ năng suất thấp*); Chỉ được xây dựng sân golf tại các vùng đất cát ven biển, đất đồi núi trọc, đất hoang hoá; tuyệt đối không được sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị và không được sử dụng đất đã cấp cho xây dựng sân golf để xây nhà, biệt thự để bán, chuyển nhượng;

(3) Hướng dẫn Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án sân golf theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ chặt chẽ các quy định tại Giấy

chứng nhận đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động, đăng ký đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng và vận hành dự án sân golf; Kiên quyết thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định đầu tư nếu dự án sân golf vi phạm về tiến độ đăng ký, triển khai chậm và không hiệu quả; xử lý theo quy định của Luật môi trường nếu vi phạm về môi trường;

(4) Việc rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch sân golf sẽ phân loại và xử lý như sau:

- Đối với các dự án sân golf đã có trong quy hoạch nhưng không triển khai thực hiện hoặc chuyển sang địa điểm khác, UBND cấp tỉnh, thành phố phải có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ đưa ra khỏi quy hoạch và điều chuyển địa điểm;

- Đối với các dự án sân golf đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước thời điểm ban hành Quyết định số 1946/QĐ-TTg, phải tiến hành rà soát lại, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg và các quy định tại mục 2 của Chỉ thị 11/CT-TTg, nếu dự án vẫn đủ điều kiện theo quy định thì UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị bổ sung vào quy hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Đối với các dự án mới, các địa phương phải tính toán kỹ về sự cần thiết, hiệu quả đầu tư, không nên đưa nhiều dự án sân golf trên một địa phương, và phải căn cứ quy định về tiêu chí, điều kiện hình thành tại Quyết định 1946/QĐ-TTg và các yêu cầu tại Chỉ thị 11/CT-TTg, lập hồ sơ đề nghị bổ sung vào quy hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xem xét, thẩm định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Ngoài việc đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg và Chị thị số 11/CT-TTg, các dự án sân golf đề nghị bổ sung vào quy hoạch hệ thống sân golf Việt Nam được lựa chọn trên cơ sở có nhà đầu tư có đủ năng lực để thực hiện dự án theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1531/VPCP-KTN ngày 25/2/2013.

Kiến nghị 5:

Kiến nghị Bộ sớm tham mưu với Chính phủ có chủ trương ưu đãi cho các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế như: giảm hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian miễn giảm; cho vay ưu đãi đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (cho vay lãi suất hợp lý, thời gian vay dài hạn từ 10 đến 15 năm...) và có chủ trương hỗ trợ cho mỗi khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế 30% - 50% kinh phí xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung từ nguồn ngân sách nhà nước.

Trả lời:

(1) Về kiến nghị giảm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/21/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản là 22%, từ ngày 1/1/2016, mức thuế suất này là 20% (không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp).

Vì vậy, đối với kiến nghị giảm hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận và sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định vào thời điểm thích hợp.

(2) Về kiến nghị cho vay ưu đãi (lãi suất hợp lý, thời gian vay dài hạn từ 10-15 năm...) đối với dự án phát triển hạ tầng KCN

Theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu nhà nước, dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghiệp hỗ trợ, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư, theo đó mỗi dự án được vay vốn tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động), đồng thời không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời gian cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án với khả năng trả nợ của chủ đầu tư phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của dự án nhưng không quá 12 năm.

(3) Về chủ trương hỗ trợ 30-50% kinh phí xây dựng nhà máy xử lý nước thải (XLNT) tập trung từ nguồn NSNN:

Nhằm hỗ trợ việc xây dựng nhà máy XNLT tập trung, phục vụ công tác bảo vệ môi trường trong các KCN, KCX, ngày 19/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg về việc ban hành cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, với mức hỗ trợ tối đa 100 tỷ đồng cho 01 KCN tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn tại vùng Tây Nguyên và Trung du miền núi phía Bắc và tối đa 140 tỷ đồng cho 2 KCN tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn còn lại. Theo quy định tại Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg nêu trên, hệ thống xử lý nước thải và chất thải của khu công nghiệp (bao gồm hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý chất thải) là hạng mục được ưu tiên hỗ trợ vốn NSTW.

Thực hiện quyết định nêu trên, trong thời gian qua, NSNN hàng năm đã ưu tiên bố trí vốn từ NSTW hỗ trợ cho việc xây dựng nhà máy XLNT tập trung cho

các KCN tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên cả nước.

* * *

Trên đây là nội dung trả lời của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các kiến nghị của cử tri TP Cần Thơ gửi tới Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XIII, kính báo cáo Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội TP Cần Thơ để trả lời cử tri được rõ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm VPCP;
- Bộ trưởng Bộ KH&ĐT;
- Ban Dân nguyện (UBTVQH);
- Sở KH&ĐT TP Cần Thơ;
- Các Vụ: KTĐP&LT, KTĐN, LĐVX, QLKKT;
- Viện CLPT;
- Lưu VT, Vụ THKTQD.

T14

BỘ TRƯỞNG

Bùi Quang Vinh